

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SGDDĐT-KHTC
3059

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 11 năm 2021

Về hướng dẫn triển khai thực hiện chế độ theo Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 19 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố.

Kính gửi:

- Trưởng phòng GDĐT TP Thủ Đức và các quận –huyện;
- Hiệu trưởng các trường Trung học phổ thông công lập;
- Hiệu trưởng các trường Trung học phổ thông và các Trường phổ thông nhiều cấp học ngoài công lập trực thuộc Sở;
- Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở.

Căn cứ Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 19 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố về chính sách đặc thù hỗ trợ học phí cho trẻ mầm non, học sinh phổ thông công lập, ngoài công lập và học viên giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong học kỳ I năm học 2021-2022;

Căn cứ Công văn số 3621/UBND-VX ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 19/10/2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố.

Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn với nội dung cụ thể như sau:

1. Đối tượng hỗ trợ:

Trẻ mầm non, học sinh phổ thông công lập, học viên giáo dục thường xuyên đang học tại cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Trẻ mầm non, học sinh phổ thông ngoài công lập đang học tại cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (không bao gồm các học sinh đang học tại cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài.)

2. Mức hỗ trợ:

- Hình thức hỗ trợ một lần theo số tháng thực học nhưng không quá 4 tháng.
- Định mức hỗ trợ học sinh/tháng cụ thể như sau:

Cấp học	Mức hỗ trợ học phí (đồng/học sinh/tháng)	
	Nhóm 1	Nhóm 2
Nhà trẻ	200.000	120.000

Mẫu giáo	160.000	100.000
Trung học cơ sở	60.000	30.000
Bổ túc Trung học cơ sở	60.000	30.000
Trung học phổ thông	120.000	100.000
Bổ túc Trung học phổ thông	120.000	100.000

Nhóm 1: Học sinh học tại các trường ở Thành phố Thủ Đức và các quận: 1, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 10, 11, 12, Bình Thạnh, Phú Nhuận, Gò Vấp, Tân Bình, Tân Phú, Bình Tân.

Nhóm 2: Học sinh học tại các trường ở các huyện: Bình Chánh, Hóc Môn, Củ Chi, Nhà Bè và Cần Giờ.

4. Phương thức thực hiện thanh toán khoản hỗ trợ học phí:

Sở Giáo dục và Đào tạo phân bổ dự toán kinh phí hỗ trợ học phí cho các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập và các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo và thực hiện chi trả cho các đối tượng được hưởng chế độ đang theo học tại các cơ sở giáo dục ngoài công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo theo phân cấp quản lý (chi trả thông qua các cơ sở giáo dục).

Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức và các quận, huyện giao và phân bổ dự toán kinh phí hỗ trợ học phí cho các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập và trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên; giao và phân bổ dự toán kinh phí hỗ trợ học phí cho phòng giáo dục và đào tạo để chi trả cho các đối tượng được hưởng chế độ đang theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông ngoài công lập trên địa bàn theo phân cấp quản lý (chi trả thông qua các cơ sở giáo dục).

5. Báo cáo nhu cầu hỗ trợ học phí:

Để có cơ sở tổng hợp nhu cầu kinh phí thực hiện các chế độ nêu trên báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề xuất bổ sung dự toán, đề nghị các đơn vị tổng hợp nhu cầu kinh phí phát sinh trong năm 2021 (*theo mẫu đính kèm*) (đặt tên file mềm theo cách thức: "TÊN ĐƠN VỊ_HT HP HKI NH 21-22") gửi về Phòng Kế hoạch Tài Chính - Cô Thanh Nhân (Số ĐT: 0908.323.577 – vntnhan.sgddt@tphcm.gov.vn) hạn chót **trước ngày 15 tháng 11 năm 2021**. Cụ thể như sau:

- Các Phòng Giáo dục và Đào tạo Thành phố Thủ Đức và các quận - huyện triển khai tổng hợp nhu cầu hỗ trợ học phí của các cơ sở giáo dục công lập và ngoài công lập trên địa bàn gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp nhu cầu gửi Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định phân bổ. Thực hiện theo *Mẫu báo cáo số 1*.

- Đối với các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc Sở: Rà soát số học sinh tham gia học tập thực tế và lập báo cáo theo *Mẫu báo cáo số 2*.

- Đối với các trường trung học phổ thông và các trường phổ thông nhiều cấp học ngoài công lập do Sở quản lý (không bao gồm các trường có vốn đầu tư nước ngoài): lập danh sách các học sinh được hỗ trợ theo *Mẫu báo cáo số 3*.

Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị thủ trưởng các đơn vị quan tâm thực hiện và trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, khó khăn, các đơn vị phản hồi về Phòng Kế hoạch Tài chính - Sở Giáo dục và Đào tạo để được hướng dẫn cụ thể.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Giám đốc "đề báo cáo";
- Sở Tài Chính, Sở LĐTBXH "để phối hợp";
- Lưu: VP, KHTC (H) ✓

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Hoài Nam

BÁO CÁO THỰC HIỆN HỒ TRỢ HỌC PHÍ TRƯỜNG CÔNG LẬP NHÓM 1, 2 HỌC KỲ I NĂM HỌC 2021-2022

Theo Nghị Quyết số _____/2021/HĐND ngày tháng năm 2021

Đơn vị tính: ngàn đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	Số học sinh dự toán NH 2021-2022	Tổng HS	Nhóm 1				Mức hỗ trợ 1 tháng	Số tiền	Nhóm 2				Mức hỗ trợ 1 tháng	Số tiền	Tổng tiền hỗ trợ	Ghi chú	
				1 tháng (T12)	2 tháng (T11-T12)	3 tháng (T10-T12)	4 tháng (T9-T12)			1 tháng (T12)	2 tháng (T11-T12)	3 tháng (T10-T12)	4 tháng (T9-T12)					
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	
	TỔNG CỘNG	0	0	0	2	2	2	2	1080	0	1	1	1	30	0	1080		
I	KHOI MÀM NON																	
	KHOI TIÊU HỌC																	
									Không thu học phí									
III	KHOI THCS	0	0	0	2	2	2	2	60	0	2	2	2	30	0	1080		
1	Tên đơn vị	0	0	0	2	2	2	2	60	0				30	0	1080		
12	Tên đơn vị								60					30	0			
IV	TRUNG TÂM	0	0	0	0			60	0	0				30	0	0		
1	Tên đơn vị								0					0	0	0		
2	Tên đơn vị								0					0	0	0		
3	Tên đơn vị								0					0	0	0		

Người lập bảng

Ngày tháng năm 2021
Thủ trưởng đơn vị

Họ tên:
Số điện thoại:

Ghi chú:

- Số tháng đi học thực tế: không quá 4 tháng
- Xem công thức tại các ô tô vàng
- Không thay đổi công thức và nhập dữ liệu các ô tô màu
- Cột (1) = Tổng số học sinh chi tiêu được duyệt NH 21-22 tại phụ lục Học sinh của từng đơn vị
- Cột (2) = Tổng số học sinh thực tế tuyển sinh NH 21-22 tại phụ lục Học sinh của từng đơn vị
- Nộp đính kèm phụ lục học sinh từng đơn vị

BÁO CÁO THỰC HIỆN HỖ TRỢ HỌC PHÍ TRƯỜNG CÔNG LẬP HỌC KỲ I NĂM HỌC 2021-2022
Theo Nghị Quyết số _____/2021/HĐND ngày tháng năm 2021

Đơn vị tính: ngàn đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	Số học sinh dự toán NH 2021-2022	Tổng HS	Số học sinh đi học thực tế				Mức hỗ trợ 1 tháng	Số tiền	Ghi chú
				1 tháng (T12)	2 tháng (T11-T12)	3 tháng (T10-T12)	4 tháng (T9-T12)			
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>	<i>(6)</i>	<i>(7)</i>	<i>(8)</i>	<i>(16)</i>
TỔNG CỘNG		0	0	0	3	5	3	300	3120	
I	KHỐI MẦM NON	Không đi học								
III	KHỐI TIỂU HỌC	Không thu học phí								
III	KHỐI THCS	0	0	0	2	2	1	60	840	
1	Tên đơn vị	0	0	0	2	2	1	60	840	
IV	KHỐI THPT	0	0	0	1	1	1	120	1080	
1	Tên đơn vị			0	1	1	1	120	1080	
V	GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN	0	0	0	0	2	1	120	1200	
1	Tên đơn vị			0	0	2	1	120	1200	

Ngày tháng năm 2021

Người lập bảng

Thủ trưởng đơn vị

Họ tên:

Số điện thoại:

Ghi chú:

- Số tháng đi học thực tế: không quá 4 tháng
- Xem công thức tại các ô tô vàng
- Không thay đổi công thức và nhập dữ liệu các ô tô màu
- Cột (1) = Tổng số học sinh chỉ tiêu được duyệt NH 21-22 tại phụ lục Học sinh của từng đơn vị
- Cột (2) = Tổng số học sinh thực tế tuyển sinh NH 21-22 tại phụ lục Học sinh của từng đơn vị
- Nộp đính kèm phụ lục học sinh từng đơn vị

**BÁO CÁO THỰC HIỆN HỖ TRỢ HỌC PHÍ TRƯỜNG NGOÀI CÔNG LẬP
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2021-2022**

Theo Nghị Quyết số _____/2021/HĐND ngày tháng năm 2021

- Tổng số học sinh chỉ tiêu được duyệt NH 21-22: học sinh
- Tổng số học sinh thực tế tuyển sinh NH 21-22: học sinh

Đơn vị tính: ngàn đồng

STT	TÊN HỌC SINH	Lớp	Số tháng học thực tế				Mức hỗ trợ 1 tháng	Số tiền	Ghi chú
			1 tháng	2 tháng	3 tháng	4 tháng			
A	B	C	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	TỔNG CỘNG		0	2	2	2	60	1080	
I	KHỐI MẦM NON		Không đi học						
III	KHỐI TIỂU HỌC		Không thu học phí						
III	KHỐI THCS		0	2	2	2	60	1080	
1	Nguyễn Văn A			2			60	120	
2	Nguyễn Văn B			2	3		60	300	
43	Tên học sinh					4	60	240	
44	Tên học sinh					4	60	240	
45	Lê Thị B				3		60	180	
IV	KHỐI THPT		0	1	2	3	120	2400	
1	Nguyễn Văn A					4	120	480	
2	Nguyễn Văn B			2	3		120	600	
43	Tên học sinh					4	120	480	
44	Tên học sinh					4	120	480	
45	Lê Thị B				3		120	360	

Ngày tháng năm 2021

Người lập bảng

Thủ trưởng đơn vị

Họ tên:

Số điện thoại:

Ghi chú:

- Số tháng đi học thực tế: không quá 4 tháng
- Xem công thức tại các ô tô vàng
- Không thay đổi công thức và nhập dữ liệu các ô tô màu
- Mỗi học sinh chỉ nhập 1 trong 4 cột (1) hoặc (2) hoặc (3) hoặc (4). Ví dụ: học sinh học 3 tháng (từ tháng 1